

NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MỨC ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

TS. Ngô Thị Kim Hòa - TS. Ngô Thị Thu Hương*

Báo cáo tài chính (BCTC) của doanh nghiệp cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho những người sử dụng thông tin của doanh nghiệp trong việc đưa ra quyết định kinh tế. Vì vậy, công bố thông tin trên BCTC là nghĩa vụ bắt buộc đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo minh bạch thông tin. Bài viết này phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết.

• Từ khóa: nhân tố tác động; mức độ công bố thông tin; báo cáo tài chính.

Financial statements of a firm provide the firm's financial position, business results and cash flows. Above information is critically useful for stakeholders to make their decisions. Therefore, it is mandatory requirement that listed companies must publicly disclose their financial information in order to ensure the market information transparency. This paper will analyze the impacts of influential factors on the degree of information disclosure of listed companies.

• Keywords: influential factors; the degree of information disclosure; financial statements.

Ngày nhận bài: 2/5/2019

Ngày chuyển phản biện: 10/5/2019

Ngày nhận phản biện: 15/5/2019

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2019

Cơ sở lý thuyết:

Theo VAS 21- Chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính thì báo cáo tài chính (BCTC) phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp. Mục đích của BCTC là cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra quyết định kinh tế. Vì vậy, công bố thông tin trên BCTC là nghĩa vụ bắt buộc đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo minh bạch thông tin...

Lý thuyết về thông tin hữu ích cho rằng DN

phải công bố những thông tin hữu ích thông qua hệ thống BCTC cho nhà đầu tư phục vụ cho việc đề ra các quyết định kinh tế. Ijiri (1966) cho rằng lý thuyết nhấn mạnh các nhiệm vụ cơ bản của BCTC là cung cấp thông tin hữu ích và phù hợp cho người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Khi vận dụng lý thuyết này các nhà nghiên cứu đã kiểm chứng được sự ảnh hưởng của các nhân tố như chủ thể kiểm toán, tỷ lệ thành viên độc lập của HĐQT.

Nhiều nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đã nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin bắt buộc trên BCTC như nghiên cứu của Mangena và Taurinana (2007) về các công ty niêm yết ở UK. Theo David (2012) khi nghiên cứu về mức độ tác động của các yếu tố quyết định đến việc thông tin được dự định công bố trên BCTC của gần 100 công ty phi tài chính thuộc Cộng hòa Kenya - một quốc gia đang phát triển trong giai đoạn từ 2009 đến 2011. Kết quả cho thấy đòn bẩy tài chính, lợi nhuận, tính thanh khoản, chi phí vốn và sự sở hữu của các tổ chức bên ngoài là những nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến mức độ công bố thông tin trên BCTC trong tương lai. Trong khi đó, quy mô công ty và loại hình doanh nghiệp không ảnh hưởng.

Ở nước ta, tác giả Nguyễn Hữu Cường (2016) đánh giá mức độ tuân thủ về thông tin của các công ty niêm yết thuộc 7 nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Kết quả của 4 biến độc lập chỉ ra rằng việc áp dụng theo IFRS và loại hình kiểm toán có tác động cùng chiều đến mức độ công bố thông tin trên BCTC, trong khi 2 biến còn lại lại

* Học viện Tài chính

cho kết quả ngược chiều. Tác giả Dương Ngọc Như Quỳnh (2017) nhận diện các nhân tố ảnh hưởng và đánh giá mức độ công bố thông tin tùy ý trên BCTC giữa niên độ và BCTC định kỳ năm 2016 của 100 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả cho thấy chỉ có 1 nhân tố là khả năng thanh toán có tác động cùng chiều, các nhân tố còn lại không có sự tác động nào.

Xây dựng giả thuyết

+ *Giả thuyết 1: Quy mô doanh nghiệp ảnh hưởng đến công bố thông tin trên báo cáo tài chính*

Trong trường hợp này, quy mô của doanh nghiệp được hiểu là tổng tài sản và doanh thu của doanh nghiệp. Quy mô doanh nghiệp càng lớn sẽ càng có điều kiện và cần thiết phải công bố thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp. Về lý thuyết cũng như hầu hết các nghiên cứu của các tác giả như Zeitun & Tian (2007); Mja Pervan & Josipa Visie (2012) đều cho rằng quy mô của doanh nghiệp có tác động tích cực đối với vấn đề công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Zhang HaiYen (2014) cũng cho rằng: Tổng tài sản và tổng doanh thu của doanh nghiệp có ảnh hưởng khá lớn đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Nghĩa là, quy mô của doanh nghiệp có ảnh hưởng khá lớn đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp;

+ *Giả thuyết 2: Cơ cấu vốn của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp*

Cơ cấu vốn của doanh nghiệp thể hiện thông qua tỷ lệ vốn vay, các khoản nợ phải thu, các khoản vay... Doanh nghiệp cần thiết phải công bố thông tin trên BCTC đối với các khoản mục thuộc vốn của doanh nghiệp như các khoản nợ phải thu, phải trả, không được bù trừ các khoản này với nhau... Các khoản mục này có ảnh hưởng đến công bố thông tin trên BCTC.

Giả thuyết 3: Lợi nhuận của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Lợi nhuận của doanh nghiệp phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh và có ảnh hưởng khá lớn đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp, cụ thể là trên báo cáo kết quả kinh doanh. Lợi nhuận

của doanh nghiệp càng cao, càng thể hiện doanh nghiệp có sự cố gắng tăng doanh thu, giảm chi phí và đó là những thông tin mà các đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp cần cho việc quyết định đầu tư...

Giả thuyết 4: Tính thanh khoản có ảnh hưởng đến công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Tính thanh khoản thể hiện khả năng tài chính của doanh nghiệp, tính thanh khoản cao có nghĩa là tình hình tài chính của doanh nghiệp là khả quan. Vì thế, cần thiết phải công bố thông tin trên BCTC. Nhân tố này có thể ảnh hưởng cùng chiều với mức độ công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp.

Giả thuyết 5: Đòn bẩy tài chính sử dụng trong doanh nghiệp có ảnh hưởng đến công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính có ảnh hưởng cùng chiều đến mức độ công bố thông tin trên BCTC.

Giả thuyết 6: Cổ tức phải trả

Chính sách chia cổ tức của doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Mục tiêu đầu tư vào doanh nghiệp của các cổ đông là được phân chia cổ tức tốt nhất. Chính sách phân chia cổ tức của doanh nghiệp cần được công khai và công bố trên BCTC.

Giả thuyết 7: Tỷ suất sinh lời

Tỷ suất sinh lời thể hiện lợi nhuận sau thuế của vốn chủ sở hữu. Tỷ suất sinh lời có ảnh hưởng cùng chiều và cần được công bố công khai trên BCTC của doanh nghiệp.

Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng số liệu thu thập được từ các BCTC của các doanh nghiệp niêm yết trên 2 sàn chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 3 năm liên tục từ 2016 đến 2018. Mẫu nghiên cứu là 60 doanh nghiệp phi tài chính có đầy đủ báo cáo tài chính trong 3 năm nói trên. Như vậy, sẽ có 180 quan sát.

Tác giả sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 16.0, thông qua bảng dữ liệu chuỗi thời gian và sử dụng phương pháp bình phương bé nhất để kiểm định mô hình hồi quy.

Biến phụ thuộc: Được đo lường là các chỉ mục được công bố trên BCTC theo VAS 21, cụ thể là phần thuyết minh BCTC chọn lọc, nếu mục thông

tin được công bố sẽ nhận giá trị 1 mã hóa cho dữ liệu, nếu không công bố sẽ nhận giá trị 0.

Biến độc lập: Các biến độc lập được mô tả và đo lường trong mô hình nghiên cứu thể hiện như sau:

Bảng 1: Mô tả các biến độc lập trong mô hình hồi quy

Ký hiệu biến	Mô tả	Đo lường
Q	Quy mô doanh nghiệp	Logarit của Tổng tài sản
C	Cơ cấu vốn	Tỷ lệ nợ vay/vốn CSH
L	Lợi nhuận	Logarit lợi nhuận sau thuế
T	Tính thanh khoản	Tỷ lệ TSNH/Nợ ngắn hạn
TC	Đòn bẩy tài chính	Nợ phải trả/Tổng tài sản
CT	Cổ tức phải trả	Logarit cổ tức phải trả
TSL	Tỷ suất sinh lời	LNST/VCSH

Mô hình hồi quy: Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu của một số tác giả về các nhân tố ảnh hưởng... Nếu ký hiệu tác động ảnh hưởng đến công bố thông tin trên BCTC của các doanh nghiệp niêm yết là CB và các nhân tố ảnh hưởng đến CB theo thứ tự Q, C, L, T, TC, CT, TD và TSL, khi đó mô hình nghiên cứu sẽ có dạng sau:

$$CB = \beta_0 + \beta_1Q + \beta_2C + \beta_3L + \beta_4T + \beta_5TC + \beta_6CT + \beta_7TSL + \varepsilon$$

Trong đó:

+ CB_i là hệ số hồi quy (còn gọi là mức độ tác động của i đến CB (công bố thông tin).

+ ε là phần dư của hàm hồi quy hay là mức độ tác động bởi các nhân tố khác chưa được tìm thấy.

Kết quả nghiên cứu:

Kiểm định ma trận hệ số tương quan

Kết quả kiểm định tính tương quan giữa các biến đối với mức độ công bố thông tin cho thấy 3 biến tương quan với biến phụ thuộc là Q, L, CT với Sig = 0,000.

Bảng 2: Ma trận hệ số tương quan giữa biến phụ thuộc và biến độc lập

	CB	Q	C	L	T	TC	CT	TSL
CB Hệ t Pearson	1	,324**	-,043	,451**	-,097	0,67	,308	-,032
Giá trị Sig		,000	,654	,000	,291	,469	,000	,712
Số lượng	180	180	180	180	180	180	180	180

Nguồn: Số liệu phân tích từ phần mềm SPSS

Bảng 3: Đánh giá sự phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Durbin-Watson
CB	,497 ^a	,748	,228	1,215

Nguồn: Số liệu phân tích từ phần mềm SPSS

Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Kết quả bảng 3 cho thấy hệ số R² hiệu chỉnh (Kiểm định F có Sig < 0,01).

R² = 0,762 > 0,7. Như vậy, có nghĩa là 76,2% sự thay đổi của biến CB (công bố thông tin) được giải thích bởi các biến độc lập. Ngoài ra, giá trị Durbin-Watson = 1,962 gần 2. Điều đó có thể chấp nhận giả thuyết không có sự tự tương quan chuỗi bậc nhất.

Bảng 4: Kết quả kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình

Model	Sum of Square	Df	Mean Square	F	Sig.
Regression	281,625	7	42,089	112,568	,000 ^b
Residual	85,546	113	,362		
Total	367,171	180			

a. Predictors: (Const)nt
b. Dependent Variable:

Kết quả phân tích trên cho thấy kiểm định F = 112,568 với P-Value = 0,000 < 0,05. Như vậy, mô hình xây dựng có ý nghĩa thống kê; bác bỏ giả thuyết $\beta_j = 0$. Điều này chứng tỏ mô hình xây dựng phù hợp với tổng thể.

Kết quả hồi quy

Căn cứ vào kết quả kiểm định ở trên, tác giả tiến hành thực hiện hồi quy cho mô hình CB dựa trên các biến độc lập. Kết quả như sau:

Bảng 5: Kết quả hồi quy của mô hình

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	t	Sig
	B	Sai số chuẩn	Beta		
CB (hằng số)	,241	,108		2,196	,030
Q	,019	,009	,188	1,933	,043
L	,027	,010	,276	2,765	,006
CT	,004	,001	,178	2,092	,034

Nguồn: Phân tích từ phần mềm SPSS

Kết quả bảng 5 cho thấy cả 3 biến trong mô hình đều có tác động cùng chiều. Mô hình hồi quy như sau:

$$CB = 0,188Q + 0,276L + 0,178 + \varepsilon$$

Mô hình hồi quy trên có hệ số 0,188 > 0 cho thấy quy mô doanh nghiệp có tác động tích cực đến mức độ công bố thông tin. Điều này nói lên rằng khi quy mô doanh nghiệp tăng lên 1 đơn vị thì mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính tăng tương ứng 0,19 khi các yếu tố tác động đồng thời.

Tương tự, hệ số của biến $L = 0,276 > 0$ và biến $CT = 0,187 > 0$, cả 2 nhân tố này đều có tác động cùng chiều đến việc công bố thông tin trên BCTC. Trong đó cho thấy nhân tố lợi nhuận là lớn nhất ($0,276 > 0,188 > 0,178$), tác động mạnh nhất, thể hiện tầm quan trọng của biến lợi nhuận đối với mức độ công bố thông tin trên BCTC.

Kết luận

Từ dữ liệu sử dụng 120 mẫu nghiên cứu của 60 doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2016-2018 bằng các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin, kết quả cho thấy trong 8 biến độc lập được sử dụng trong mô hình thì có 3 biến (Q, L và CT) có tác động đến mức độ công bố thông tin theo chiều thuận. Trong đó biến L có tác động mạnh nhất đến mô hình. Căn cứ vào đó, có thể đề xuất chính sách cho các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán để có thể nâng cao mức độ công bố thông tin trên BCTC thông qua việc gia tăng quy mô doanh nghiệp bằng cách tăng tổng tài sản nhằm tăng tiềm lực tài chính, gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp cũng như có chính sách phù hợp cho việc phân chia cổ tức cho cổ đông của doanh nghiệp.

Khuyến nghị chính sách

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả có một số khuyến nghị về chính sách nhằm góp phần nâng cao mức độ công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp.

Một là, giải pháp tăng cường huy động vốn để tăng tổng tài sản của doanh nghiệp

Thực hiện giải pháp này, thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng vốn, góp phần tăng tài sản của doanh nghiệp; giảm bớt vay nợ của các ngân hàng thương mại và chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn kinh doanh hơn. Khi quy mô doanh nghiệp tăng lên sẽ có tác động cùng chiều với công bố thông tin trên báo cáo tài chính như các phần trên đã nghiên cứu.

Hai là, huy động vốn thông qua liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, vấn đề liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, vừa tăng thêm vốn phục vụ cho kinh doanh, vừa có

thêm điều kiện học hỏi kinh nghiệm kinh doanh, kinh nghiệm quản lý. Vốn kinh doanh càng cao, thể hiện quy mô doanh nghiệp càng lớn, khi đó có tác động tích cực đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp.

Ba là, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chất lượng phục vụ khách hàng để tăng doanh thu bán hàng

Phương thức kinh doanh được đổi mới, chính sách bán hàng phù hợp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chất lượng phục vụ khách hàng được nâng cao sẽ dẫn đến tăng doanh thu bán hàng. Đây cũng là một trong những nhân tố tạo uy tín cho doanh nghiệp và thúc đẩy quy mô doanh nghiệp tăng - một nhân tố tích cực trong việc tăng thêm công bố thông tin trên BCTC.

Bốn là, hạ giá thành sản phẩm, giảm thiểu chi phí kinh doanh, cắt giảm các chi phí không cần thiết nhằm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp

Lợi nhuận tăng là một trong những điều kiện quan trọng và có tác động mạnh nhất đến công bố thông tin trên BCTC của DN. Chính vì vậy, hạ giá thành sản phẩm, giảm thiểu chi phí kinh doanh là một nhân tố quan trọng để nâng cao công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp.

Năm là, đổi mới chính sách chia cổ tức cho cổ đông phù hợp

Chính sách chia cổ tức hợp lý sẽ tạo điều kiện cho công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp nâng cao. Do đó, doanh nghiệp cần căn cứ vào tình hình cụ thể trong mỗi giai đoạn phát triển của mình, đồng thời có tính đến các yếu tố khác tác động từ bên ngoài hoặc sự thay đổi của các chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước để kịp thời điều chỉnh chính sách phân chia cổ tức phù hợp.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2015) Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 10/6/2015;
- Bộ Tài chính (2006), Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam;
- Akerlof, G. A. (1970), *The market for lemons: Quality The Quarterly of Economic*, 84(5), 335-367.
- Safa, Mojan Safa (2012), "Examining the Role of Responsibility Accounting in organizational Structure", *American Academic & Scholarly Research Journal*, 4(5)